

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/11/2021.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST - DS ngày 12/11/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng N**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn BE**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Bình, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Văn BE đi đến hôn nhân là do mai mối, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009.

Đến ngày 23/3/2015 thì anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp được nên vợ chồng xảy ra cự cãi, bất hòa và đã ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nay chị Mộng N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh BE do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N xác nhận chị và anh BE có hai người con chung tên Nguyễn Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 20/7/2010 và Nguyễn Văn Đô, sinh ngày 27/3/2012. Hiện cháu Tuyền đang sống cùng chị N, còn cháu Đô thì sống cùng anh BE. Ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyền đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Đô cho anh BE tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh BE cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định quá trình chung sống chị và anh BE không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn BE:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh BE. Tuy Nên anh BE không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh BE trong hồ sơ vụ án.

* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Mộng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn BE. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 20/7/2010 cho chị Nguyễn Thị Mộng N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N giao cháu Nguyễn Văn Đô, sinh ngày 27/3/2012 cho anh BE nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh BE không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Văn BE có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật. Về án phí: buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn BE. Anh BE cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào năm 2009 chị N và anh BE được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 23/3/2015 anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh BE là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa chị N trình bày, quá trình chung sống giữa chị và anh BE phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, bất hòa. Do không thể hàn gắn được nên chị N và anh BE đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay, hiện tại chị và anh BE không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh BE.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Do những bất đồng trong cuộc sống nên mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh BE thường xuyên bất hòa dẫn đến việc anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2015, hiện tại anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị N đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành nhưng chị N vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh BE. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tụng cho anh BE Nêu lần nhưng anh BE vẫn vắng mặt chứng tỏ anh BE cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh BE đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu được ly hôn với anh BE của chị N là có cơ sở để được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh BE có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 20/7/2010 và Nguyễn Văn Đô, sinh ngày 27/3/2012. Hiện cháu Tuyền đang sống cùng chị N, còn cháu Đô thì sống cùng anh BE. Ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyền đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Đô cho anh BE tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh BE cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tuyền, cháu Tuyền được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đồng thời tại bản tự khai đề ngày 01/4/2021 cháu Tuyền trình bày nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ (tức chị N). Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Nguyễn Văn Đô hiện đang sống cùng anh BE, tại phiên tòa chị N cũng đồng ý giao cháu Đô cho anh BE tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[2.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị N trình bày không yêu cầu anh BE phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh BE không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuyền. Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu Đô, do anh BE không có văn bản yêu cầu nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Trường hợp sau này có yêu cầu thì anh BE có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác nhận không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn BE.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 23/3/2015 do Ủy ban nhân dân xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Văn BE không còn có giá trị pháp lý.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 20/7/2010 cho chị Nguyễn Thị Mộng N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N giao cháu Nguyễn Văn Đô, sinh ngày 27/3/2012 cho anh BE nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh BE không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Văn BE có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003029 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị N không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An